



SỞ GD - ĐT PHÚ YÊN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

PHÚ YÊN – 2021



**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Văn Sơn	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Bảy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Văn Thuyền	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Đặng Thị Hải Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
5	Trương Hoàng Châu	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Hữu Phước	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
7	Trần Đăng Khoa	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Duy Hiền	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
9	Tăng Huỳnh Thanh Trang	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
10	Bùi Tiến Nhân	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
11	Lương Công Oánh	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
12	Trần Văn Khởi	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
13	Đặng Minh Nhựt	Tổ trưởng, TTND	Ủy viên hội đồng	
14	Trần Đức	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
15	Phạm Thị Tố Xuân	CTCĐ	Ủy viên hội đồng	
16	Biện Ngọc Vàng	BTĐTN	Ủy viên hội đồng	
17	Phạm Thị Kiều	Kế Toán	Ủy viên hội đồng	
18	Đặng Ngọc Vinh	Tổ trưởng	Thư ký hội đồng	
19	Bùi Thị Thu Thanh	Tổ trưởng	Thư ký hội đồng	
20	Vương Thị Như Liên	Thư kí HĐ SP	Thư ký hội đồng	
21	Nguyễn T Ngọc Lam	GV	Thư ký hội đồng	
22	Tạ Bảo Yên	Phó BT ĐTN	Thư ký hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá	2
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. Tiêu chuẩn đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3	
Tiêu chuẩn 1	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1	16
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	19
Tiêu chí 1.4	21
Tiêu chí 1.5	23
Tiêu chí 1.6	24
Tiêu chí 1.7	26
Tiêu chí 1.8	27
Tiêu chí 1.9	28
Tiêu chí 1.10	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	32
Tiêu chuẩn 2	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1	33
Tiêu chí 2.2	34
Tiêu chí 2.3	36
Tiêu chí 2.4	38
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	39
Tiêu chuẩn 3	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1	40
Tiêu chí 3.2	42
Tiêu chí 3.3	44
Tiêu chí 3.4	45
Tiêu chí 3.5	47

Tiêu chí 3.6	49
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	51
Tiêu chuẩn 4	52
Mở đầu	52
Tiêu chí 4.1	52
Tiêu chí 4.2	54
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	57
Tiêu chuẩn 5	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 5.1	58
Tiêu chí 5.2	59
Tiêu chí 5.3	61
Tiêu chí 5.4	62
Tiêu chí 5.5	64
Tiêu chí 5.6	65
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	68
II. Tiêu chuẩn đánh giá Mức 4	68
Chưa đánh giá	
III. KẾT LUẬN CHUNG	68
Phần III. PHỤ LỤC	70

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Chữ đầy đủ
1	BTV	Ban thường vụ
2	CB	Cán bộ
3	CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
4	CĐCS	Công đoàn cơ sở
5	CMHS	Cha mẹ học sinh
6	CSVC	Cơ sở vật chất
7	GDDT	Giáo dục Đào tạo
8	GV	Giáo viên
9	HK	Hạnh kiểm
10	HN	Hội nghị
11	HS	Học sinh
12	HSG	Học sinh giỏi
13	HT	Hiệu trưởng
14	LLCT	Lí luận chính trị
15	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
16	NV	Nhân viên
17	PT	Phụ trách
18	QĐ	Quyết định
19	TĐG	Tự đánh giá
20	TDTT	Thể dục thể thao
21	THCS	Trung học cơ sở
22	THPT	Trung học phổ thông
23	ĐTN	Đoàn Thanh niên
24	TN THPT	Tốt nghiệp trung học phổ thông
25	TT	Thứ tự
26	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2
1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22			
Khoản 2, Điều 22			
Khoản 3, Điều 22			
Khoản 4, Điều 22			
Khoản 5, Điều 22			
Khoản 6, Điều 22			

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): THPT NGUYỄN HUỆ

Tên trước đây (nếu có): **PTTH NGUYỄN HUỆ**

Cơ quan chủ quản: **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ YÊN**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Phú Yên	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Văn Sơn
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Tuy Hòa	Điện thoại	057.3823009
Xã / phường/thị trấn	Phường 5	Fax	
Đạt CQG	Đạt	Website	http://nguyenhue.phuyen.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)		Số điểm trường	
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 10	14	16	15	14	14
Khối lớp 11	15	14	16	15	14
Khối lớp 12	16	15	14	16	15
Cộng	45	45	45	45	43

2. Số phòng học và các phòng chức năng khác

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú

1	Phòng học kiên cố	45	45	45	45	44	
2	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng học tạm	0	0	0	0	0	
4	Các phòng chức năng khác	8	8	8	8	8	Gồm: P.Lý P.Hóa P.Sinh P.LAB Thư viện Nhà tập đa năng P.Vi tính
	Cộng	53	53	53	53	52	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1		Kinh	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	3	1	Kinh	0	3	0	
Giáo viên	100	64	Kinh	0	80	20	
Nhân viên	10	5	Kinh	0	10	0	
...							
Cộng	114	70		0	93	21	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số giáo viên	103	107	102	100	100
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2,29	2,38	2,27	2,22	2,33

3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,06	0,06	0,06	0,056	0,59
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp trường (nếu có)	17	17	10	17	19
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	10				
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1756	1777	1769	1776	1690	
	- Nữ	1127	1072	999	1000	951	
	- Dân tộc	4	4	2	9	0	
	- Khối lớp10	554	644	586	558	559	
	- Khối lớp11	592	547	643	576	559	
	- Khối lớp12	610	586	540	642	572	
	...						
2	Tổng số tuyển mới	558	646	591	558	559	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	39,02	39,5	39,3	39,5	39,3	
7	Số lượng	100%	100%	100%	100%	100%	

	và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi						
	- <i>Nữ</i>	100%	100%	100%	100%	100%	
	- <i>Dân tộc</i>	100%	100%	100%	100%	100%	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	123	108	61	58	120	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	2	1	1	1	1	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	107	103	86	82	63	
	- <i>Nữ</i>	65	62	47	46	36	
	- <i>Dân tộc</i>	03	04	02	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	24	20	18	18	12	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	31.83%	30.41%	32.28%	45,8%	46,8%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	64.46%	66.7%	63.88%	52%	51,9%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0%	0%	0.06%	0,11%	0%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	91.91%	95.9%	93.84%	93,8%	95,91%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	7.86%	4.1%	6.05%	5,97%	4.09%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0.23%	0%	0.11%	0,23%	0%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100%	100%	100%	100%	100%	Đối với nhà trường có lớp tiểu học
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học						

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Giới thiệu chung về nhà trường

- Trường THPT Nguyễn Huệ được thành lập từ niên khoá 1955-1956
- Trụ sở tại 09-Hoàng Diệu , thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

Từ ngày thành lập đến nay, trường THPT Nguyễn Huệ có bề dày 66 năm xây dựng và phát triển và đã đạt được những thành tích đáng tự hào, xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân tỉnh nhà. Nhà trường liên tục được UBND tỉnh công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, là lá cờ đầu trong phong trào thi đua yêu nước khối THPT và vinh dự được đón nhận nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước trao tặng: Huân chương giải phóng hạng Ba vào năm 1973, Huân chương Lao Động hạng Ba năm 2000; Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2005, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2010.

Chất lượng giáo dục trong 5 năm (tính từ năm 2016 đến 2021) được duy trì ổn định. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi trong 5 năm đạt trên 85%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT trong các năm qua luôn ổn định, trung bình trong 5 năm đạt trên 99,5%. Mỗi năm trên 95% học sinh đỗ vào các trường cao đẳng, đại học. Nhiều học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp Quốc gia, nhiều học sinh đỗ vào các trường đại học như: Bách khoa, Y dược, Quân sự,... với số điểm rất cao.

Trong 5 năm liên từ năm 2016 đến năm 2021 nhà trường được UBND tỉnh Khen tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và được tặng Cờ Thi đua xuất sắc của Bộ GD năm học 2016-2017, Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen năm học 2016-2017 và giai đoạn 2015-2020, Bằng khen của Bộ Công an về công tác ANTT năm 2019. Ngày 06 tháng 05 năm 2014 nhà trường vinh dự được UBND tỉnh công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia.

Năm học 2020 - 2021 là năm đánh dấu sự trưởng thành, vươn lên mạnh mẽ của nhà trường trong việc khẳng định vị thế, chất lượng giáo dục. Hiệu quả giảng dạy được thể hiện rõ nét qua kết quả hai mặt giáo dục và đạt thành tích cao trong các kỳ thi, hội thi cấp tỉnh, cấp Quốc gia. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi 42,1%; loại khá 55,4%; 100% học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt.

Thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” và Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông nên nhà trường quyết tâm đổi mới mạnh mẽ theo hướng tiếp tục lấy đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp giảng dạy là khâu đột phá để xây dựng nhà trường nề nếp, kỷ cương và chất lượng. Vì vậy, mục tiêu trước mắt là phải chú trọng công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Nhà trường xác định mục đích của việc tự đánh giá là để đơn vị tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu đối với các hoạt động giáo dục, từ đó xây dựng các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá là nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia.

Phạm vi tự đánh giá là toàn bộ các hoạt động của nhà trường năm học từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020 - 2021 theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 08 năm 2018.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trước 1975, trường hoạt động theo quy định của chế độ cũ.

Từ 1975 đến nay, cơ cấu trường THPT Nguyễn Huệ đã được củng cố, bổ sung, hoàn thiện và đi vào hoạt động ngày càng đạt hiệu quả; đến nay trường có cơ cấu tổ chức đủ theo quy định của Điều lệ trường THPT hạng 1. Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh,... có đủ giáo viên dạy các môn học. Các tổ chức, các hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Căn cứ trên tình hình thực tế, Hội đồng tự đánh giá của cơ sở giáo dục trường THPT Nguyễn Huệ báo cáo kết quả tự đánh giá của 10 tiêu chí trong tiêu chuẩn 1 với các nội dung cụ thể như sau:

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) *Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng GDĐT, Sở GDĐT.*

Mức 2: Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3: Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

- Văn bản Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 được cấp có thẩm quyền phê duyệt; **[H1-1.1-01]**
- Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường
- Nhà trường có Sở nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường; **[H1-1.1-03]**
- Đường dẫn truy cập vào Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT hoặc Cổng thông tin điện tử của nhà trường có đăng tải nội dung chiến lược phát triển.

Mức 2

Nhà trường đang xây dựng các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Báo cáo kết quả thực hiện chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 1: 2019 – 2021 (nếu có) **[H1-1.1-02]** và Sở nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường; **[H1-1.1-03]**

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. Các văn bản của hội đồng trường trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường (nếu có) **[H1-1.1-04]**

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2019-2024;
- Chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường
- Chiến lược phát triển của nhà trường đã được sở GD-ĐT phê duyệt
- Chiến lược phát triển của nhà trường đã được đưa trang Web của trường;
- Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

3. Điểm yếu:

- Chiến lược phát triển của nhà trường chưa định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, nhưng chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Định kỳ hàng năm sẽ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo Điều 10 và Điều 12 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi tắt là Điều lệ trường trung học). Hội đồng trường và các hội đồng khác được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

- Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường – Trường THPT Nguyễn Huệ đã được Giám đốc sở GD-ĐT phê duyệt **[H1-1.2-01]**

- Nhà trường ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng TĐKT vào tháng 9 hằng năm **[H1-1.2-02]**

- Nhà trường ban hành Các quyết định về việc thành lập Hội đồng kỷ luật (nếu có kỷ luật) **[H1-1.2-03]**

- Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá. Nhà trường có đầy đủ Sổ biên bản họp Hội đồng trường, Biên bản họp Hội đồng sư phạm, Hội đồng thi đua, Hội đồng kỷ luật **[H1-1.2-04]**

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm [H1-1.2-05] và Hồ sơ thi đua hằng năm [H1-1.2-06] và Thành tích của nhà trường trong những năm qua

2. Điểm mạnh:

- Sở GD-ĐT đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng nhà trường và đã định kỳ phê duyệt điều chỉnh
- Hằng năm nhà trường thành lập Hội đồng TĐKT
- Khi có cán bộ, giáo viên, học sinh vi phạm kỷ luật thì nhà trường có quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để xét kỷ luật
- Sổ biên bản các cuộc họp được ghi đầy đủ
- Các báo cáo sơ kết, tổng kết được thực hiện đầy đủ
- Hồ sơ thi đua được lưu hằng năm

3. Điểm yếu:

Hội đồng trường chưa thực sự phát huy chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường trung học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục phát huy chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường trung học.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- b) Hoạt động theo quy định
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá

Mức 2

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trong nhà trường, cơ cấu tổ chức của các đoàn thể và tổ chức khác theo đúng quy định của cấp trên: Công đoàn gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh gồm Bí thư, 02 phó Bí thư và các ủy viên; Ban vì sự tiến bộ phụ nữ gồm Trưởng ban, phó ban và các ủy viên; Hội chữ thập đỏ gồm Chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên [H1-1.3-01], [H1-1.3-02], [H1-1.3-03], [H1-1.3-04] .

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo đúng quy định, Điều lệ của tổ chức

Hằng năm, nhà trường đều rà soát, đánh giá việc hoạt động của các tổ chức đoàn thể, rút ra điểm mạnh, điểm yếu để làm phương hướng hoạt động cho năm [H1-1.3-05]

Mức 2

Đảng bộ trường THPT Nguyễn Huệ được cơ cấu tổ chức theo quy định, Ban Thường vụ gồm 03 đồng chí, 09 cấp ủy viên, có 04 chi bộ trực thuộc. Tổ chức Đảng hoạt động theo quy định; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Đảng bộ trường THPT Nguyễn Huệ hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2020 được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06]

Công đoàn phối hợp với Nhà trường chăm lo đời sống tinh thần và động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, quy định của Ngành, giữ gìn đoàn kết nội bộ. Đoàn thanh niên phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục đạo đức học sinh, giữ gìn an ninh trật tự trường học. Hội chữ thập đỏ phối hợp với Nhà trường trong việc thăm hỏi học sinh ốm đau và hỗ trợ kinh phí cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Ban vì sự tiến bộ phụ nữ phối hợp với nhà trường trong việc bảo vệ quyền lợi của nữ cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động và động viên họ vượt qua mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động của học sinh [H1-1.3-07], [H1-1.1-03]

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Đảng bộ trường THPT Nguyễn Huệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-06]**

Các đoàn thể và tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong việc giảng dạy và huy động các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân, phụ huynh học sinh và cựu học sinh đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường **[H1-1.3-07], [H1-1.3-08], [H1-1.3-09]**

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã thành lập đảng bộ với 4 chi bộ trực thuộc và 69 đảng viên
- Nhà trường có các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội khuyến học, hội chữ thập đỏ. Các tổ chức trên hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.
- Hằng năm các tổ chức trên đã được tặng bằng khen vì thành tích xuất sắc trong công tác.

3. Điểm yếu:

- Một số đảng viên còn chưa mạnh dạn trong đấu tranh phê và tự phê bình.
- Đa số giáo viên lớn tuổi nên lực lượng trẻ để làm công tác đoàn và phong trào thanh niên rất ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Phát huy hơn nữa tinh thần phê và tự phê.
- Đề xuất với Sở GD-ĐT cử thêm giáo viên trẻ để làm lực lượng kế cận.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- Cố hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định

Mức 2

- Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.
- Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có đủ hiệu trưởng; số lượng phó hiệu trưởng theo quy định tại Điều lệ trường trung học. [H1-1.4-01]

- Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn theo quy định tại Điều 14 Điều lệ trường trung học. [H1-1.4-02]

- Cơ cấu tổ chức của Tổ văn phòng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ trường trung học [H1-1.4-02].

- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và 15 Điều lệ trường trung học. [H1-1.4-03], [H1-1.4-05], [H1-1.4-06]

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. [H1-1.4-07]

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh [H1-1.4-04]

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-05], [H1-1.4-08]

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-09]

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đủ Hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng theo quy định của trường hạng I, nhà trường có 11 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và 15 Điều lệ trường trung học.

- Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh

3. Điểm yếu:

- Chất lượng và số lượng giải các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia chưa xứng đáng với tầm vóc của trường.

- Một số tổ chuyên môn sinh hoạt tổ còn mang tính hành chính, sự vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Phân đầu nâng cao chất lượng và số lượng giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp trường.

- Nhà trường tăng cường kiểm tra sinh hoạt chuyên môn của các tổ

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có), số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Đến thời điểm tự đánh giá, trường có đủ 3 khối lớp gồm: 15 lớp 12, 14 lớp 11 và 14 lớp 10. **[H1-1.5-01], H1-1.5-05]**,
- Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. **[H1-1.5-02]**
- Mỗi lớp được chia thành 4 tổ học sinh. Mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học. **[H1-1.5-04]**
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ **[H1-1.5-02]**

Mức 2

- Trường có 43 lớp.
- Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học (mỗi lớp có không quá 45 học sinh). **[H1-1.5-05]**

Mức 3:

- Trung bình mỗi lớp có không quá 40 học sinh
 - Khối 10: 40 hs/ lớp
 - Khối 11: 40 hs/lớp
 - Khối 12: 38 hs/lớp

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đủ các khối lớp trong cấp học
- Học sinh được tổ chức theo lớp, mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được chia thành 4 tổ học sinh, mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học.
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ
- Sĩ số hiện tại không quá 40 hs/lớp

3. Điểm yếu:

- Các lớp được phân chia theo định hướng khối thi đại học nên một số lớp có sĩ số vượt 40 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Sắp xếp lại học sinh các lớp để mỗi lớp có không quá 40 học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

- Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định*
- Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.*
- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục*

Mức 2

- Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.*
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Hồ sơ, văn bản lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. **[H1-1.6-01]**
- Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. **[H1-1.6-02]**
- Công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; **[H1-1.6-03]**
- Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành **[H1-1.6-04]**
- Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích và đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục **[H1-1.6-06]**.

Mức 2

- Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. **[H1-1.6-05]**
- Kết luận của thanh tra, kiểm toán trong 05 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính, tài sản. **[H1-1.6-07]**

Mức 3

- Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. **[H1-1.6-08]**

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường lập hồ sơ đầy đủ, văn bản lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của luật lưu trữ.
- Nhà trường đã lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản kịp thời, đúng quy định
- Đã định kỳ tự kiểm tra tài chính và công khai tài sản, tài chính đúng quy định
- Hàng năm quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.
- Quản lý, sử dụng tài sản và tài chính đảm bảo đúng mục đích và đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động của giáo dục.
- Nhà trường đã sử dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài sản, tài chính.
- Trong vòng 05 năm nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài sản, tài chính phải bị hình thức kỷ luật.
- Nhà trường đã có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

3. Điểm yếu:

- Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Thời gian thực hiện tháng 10/2021

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. **[H1-1.7-01], [H1-1.7-04]**
- Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý. **[H1-1.7-02], [H1-1.7-03], [H1-1.7-05]**
- Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động. **[H1-1.1-03], [H1-1.7-05]**
- Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác. **[H1-1.7-06], [H1-1.7-07]**

Mức 2

- Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. **[H1-1.7-05]**

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

- Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý.
- Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác.
- Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu:

- Nhà trường chưa thường xuyên giám sát, kiểm tra việc tự bồi dưỡng của giáo viên.
- Các tổ chuyên môn sinh hoạt tổ còn mang nặng tính hành chính, sự vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tăng cường giám sát, kiểm tra việc tự bồi dưỡng của giáo viên.
- Nhà trường tăng cường chỉ đạo và kiểm tra sinh hoạt của các tổ chuyên môn, đảm bảo mỗi tháng phải có 01 chuyên đề về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

- Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.
- Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ
- Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường. **[H1-1.8-01]**
- Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện đầy đủ **[H1-1.2-05]**
- Kế hoạch giáo dục của nhà trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời **[H1-1.1-03]**

Mức 2

- Nhà trường đã chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. **[H1-1.6-08]**
- Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định **[H1-1.8-02]**

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã lập các kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường.
- Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện đầy đủ.
- Kế hoạch giáo dục của nhà trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế
- Nhà trường đã chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.
- Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định

3. Điểm yếu:

- Việc kiểm tra thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường có lúc còn hình thức, sự vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tăng cường kiểm tra thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường hơn nữa.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	-
b	Đạt	...	-	...	-
c	Đạt	...	-	...	-
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.*
- Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật*
- Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở*

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập). [H1-1.9-01], [H1-1.9-04], [H1-1.1-03], [H1-1.9-06]

- Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật [H1-1.9-02], [H1-1.9-03]

- Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-05]

Mức 2

- Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. H1-1.9-02] , [H1-1.3-10]

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường thường xuyên niêm yết công khai các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập)

- Nhà trường luôn kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật

- Hàng năm nhà trường đều báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

- Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu:

- Một số ít giáo viên, nhân viên còn chưa kịp thời phản ánh, kiến nghị với nhà trường một số vấn đề mới phát sinh.

- Một số giáo viên nhân viên chưa mạnh dạn trong công tác phê và tự phê.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên còn kịp thời phản ánh, kiến nghị với nhà trường một số vấn đề mới phát sinh.

- Phát huy hơn nữa tinh thần phê và tự phê.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	-

b	Đạt	...	-	...	-
c	Đạt	...	-	...	-
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

- a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.
- c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

- a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.
- b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Căn tin nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. **[H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03]**
- Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. **[H1-1.10-04], [H1-1.10-05]**
- Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường **[H1-1.2-05], [H1-1.10-06]**

Mức 2

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. **[H1-1.10-07]**

- Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. **[H1-1.10-05]**

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Căn tin nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm
- Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.
- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.
- Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

3. Điểm yếu:

- Vẫn còn tình trạng học sinh gây gổ với nhau nhưng chưa tới mức xử lý kỷ luật.
- Học sinh vẫn chưa mạnh dạn phản ánh với nhà trường về những mâu thuẫn cá nhân có thể dẫn tới bạo lực học đường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục học sinh về hệ lụy của bạo lực học đường, về bình đẳng giới.
- Tăng cường các biện pháp thu thập thông tin về các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường.
- Khuyến khích học sinh và người dân phản ánh các biểu hiện làm mất an ninh trật tự, vi phạm nội quy nhà trường qua hộp thư góp ý và điện thoại các đường dây nóng.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	...	-
b	Đạt	b	Đạt	...	-
c	Đạt	...	-	...	-
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học phổ thông và các quy định khác do Bộ GDĐT ban hành. Số lớp học, số học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác của nhà trường hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học, quy định của pháp luật và luôn đạt được những thành tích cao trong nhiều năm. Các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, hoạt động theo đúng lịch, các buổi sinh hoạt đều có hiệu quả thiết thực. cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động trong nhà trường chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Không có hiện tượng vi phạm pháp luật hoặc tệ nạn xã hội, không có hiện tượng vi phạm quy chế chuyên môn; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Việc quản lý hành chính thực hiện tốt; Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học. Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản chỉ đạo.

Trong những năm qua nhà trường còn một số điểm yếu như: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa nhận được những góp ý sâu sắc; Một số đảng viên còn chưa mạnh dạn trong đấu tranh phê và tự phê bình; Đa số giáo viên lớn tuổi nên lực lượng trẻ để làm công tác đoàn và phong trào thanh niên rất ít; Các lớp được phân chia theo định hướng khối thi đại học nên một số lớp có sỹ số vượt 40 học sinh.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1 là: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt mức 2 là: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt mức 3 là: 04/05

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động trong nhà trường là nhân tố quyết định không chỉ với chất lượng giáo dục của đơn vị mà còn ảnh hưởng quan trọng đến năng lực, phẩm chất trong cả cuộc đời mỗi con người. Hoạt động của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định, chuyên môn đào tạo phù hợp với công việc được giao, đạt tỷ lệ trên chuẩn cao. Bên cạnh, có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tỉnh, có uy tín trong học sinh và nhân dân địa phương. Trong những năm qua nhà trường luôn duy trì, giữ vững được khối đoàn kết thống nhất toàn đơn vị. Tinh thần trách nhiệm, tình cảm gắn

bó với trường lớp được nâng cao và sâu sắc hơn trong mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động. Tất cả các hoạt động trong nhà trường đều triển khai một cách đồng bộ đảm bảo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từng năm học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học. [H2-2.1-01]
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng. [H2-2.1-02]
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. [H2-2.1-03],[H2-2.1-04]

Mức 2

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng.
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-05], [H2-2.1-06]
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. [H2-2.1-07]

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đủ hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định.
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm

3. Điểm yếu:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng.
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Phân đầu tăng chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...	-	...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

- Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.*
- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.*
- Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.*
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.*
- Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo*

viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn 147 có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. [H2-2.2-01]

- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. [H2-2.2-04]

- Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. [H2-2.2-02]

Mức 2

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. [H2-2.2-06]

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn. [H2-2.2-05]

- Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-07], [H2-2.2-08]

Mức 3

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn.

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học. [H2-2.2-02]

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác.

- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.
- Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh;
- Một số giáo viên có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học;
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu:

- Đa số giáo viên chưa có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đa số giáo viên chưa có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Giáo viên phải tích cực hơn trong việc nghiên cứu khoa học để có thể hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	...	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

- Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.
- Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

- Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.
- Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Số lượng nhân viên đáp ứng các nhiệm vụ được giao [H2-2.2-03]
- Nhà trường không có giáo viên kiêm nhiệm công việc thủ quỹ, văn thư,... [H2-2.2-01]
- Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. [H2-2.2-03]
- Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao. [H2-2.3-02]

Mức 2

- Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017). [H2-2.2-01]
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- Nhân viên kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao (hoặc có bằng trung cấp trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp). [H2-2.3-04]
- Nhà trường không có nhân viên nấu ăn.
- Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. [H2-2.3-03], [H2-2.3-05]

2. Điểm mạnh:

- Số lượng nhân viên đáp ứng các nhiệm vụ được giao.
- Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người.
- Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao
- Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017).
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- Nhân viên kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao (hoặc có bằng trung cấp trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp).
- Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công.

3. Điểm yếu:

- Nhà trường còn thiếu một số nhân viên như: Nhân viên thiết bị,
- Phải hợp đồng ngoài biên chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đề xuất cấp trên bổ sung biên chế nhân viên..

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	...	-	...	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biên tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định Điều lệ trường trung học. [H1-1.5-06]
- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học. [H2-2.4-05]
- Được đảm bảo các quyền theo quy định. [H2-2.4-03]

Mức 2

- Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biên tích cực. [H1-1.5-02], [H2-2.4-04]

Mức 3

- Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. [H1-1.2-05]

2. Điểm mạnh:

- Tất cả học sinh đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định Điều lệ trường trung học
- Học sinh đều phải thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học
- Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định.
- Khen thưởng kịp thời các học sinh đạt thành tích cao trong học tập và các hoạt động văn nghệ, TDTT, công tác Đoàn, công tác xã hội – từ thiện,...

- Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.
- Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

3. Điểm yếu:

- Vẫn còn một bộ phận nhỏ học sinh vi phạm nội quy nhà trường.
- Vẫn còn một bộ phận nhỏ học sinh vi phạm ATGT

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục và xử phạt học sinh thường xuyên vi phạm nội quy.
- Phối hợp với gia đình và xã hội giáo dục học sinh phải tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật, đặc biệt là Luật giao thông.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...	-	...	-
c	Đạt	...	-	...	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Số lượng, tiêu chuẩn lãnh đạo nhà trường đạt chuẩn theo quy định, tỉ lệ trên chuẩn cao; luôn đoàn kết, nhất trí cao trong công tác quản lý; xây dựng được một môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh; đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, tỉ lệ trên chuẩn cao, năng nổ, nhiệt tình trong công tác, luôn có ý thức cầu tiến, làm việc trách nhiệm, tích cực học tập nâng cao trình độ, sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trải nghiệm; có đủ nhân viên đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ hiệu trưởng giao, đa số làm việc trách nhiệm; đa số học sinh nhà trường có tinh thần học tập chăm chỉ, có đạo đức, tác phong tốt, đảm bảo đúng độ tuổi quy định; thành tích thi học sinh giỏi văn hóa, KHKT; văn nghệ, TDTT của học sinh nhà trường rất tốt và luôn được duy trì.

Việc tiếp thu kiến thức của học sinh chưa đồng đều, một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm đúng mức đến con em mình; chưa có đội ngũ chuyên trách về công tác tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh;

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 04/04

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 04/04

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 02/04

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường đã được xây dựng từ trước 1955, chưa được quy hoạch hợp lý, hai dãy nhà học đã cũ vừa được sơn sửa lại; có khuôn viên riêng biệt, độc lập; có tường rào kiên cố tuy nhiên sân trường trũng thấp thường bị ngập úng trong mùa mưa bão; có cổng trường, biển trường rõ ràng; có đầy đủ các công trình khác phục vụ cho hoạt động giáo dục. Trường được xây dựng theo tiêu chuẩn của Bộ GD-ĐT có khuôn viên, sân chơi bãi tập rộng, thoáng mát; có môi trường xanh, sạch, đẹp. Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa, tu bổ, nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học kịp thời đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường. Phòng học được xây dựng đúng chuẩn đủ để học sinh học hai ca trong ngày, bên trong phòng học được trang bị đủ bàn ghế giáo viên và học sinh, một nửa số bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, nửa số bàn ghế còn lại đã cũ không còn phù hợp, có bảng viết và đủ điều kiện ánh sáng, thoáng mát. Trường có đầy đủ các phòng chức năng, các phòng thí nghiệm, thực hành và thư viện phục vụ tốt cho nhu cầu học tập nghiên cứu của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

- a) Nhà trường được quy hoạch hợp lý, có khuôn viên riêng biệt cho các khu học tập, sân chơi, bãi tập; diện tích 19.699m², bình quân 11,2m²/ học sinh, có cây xanh bóng mát, sân trường sạch, đẹp, thoáng mát [H3-3.1-01] (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), [H3-3.1-02] (trích lục bản đồ), [H3-3.1-03] (Sơ đồ tổng thể trường), [H3-3.1-04] (Hồ sơ thiết kế một số công trình), đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

- b) Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố .

c) Nhà trường có khu vực sân chơi, bãi tập theo quy định, với diện tích trên 6000m², gồm: bãi tập thể dục, sân bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền, hồ bơi, sân đá cầu đảm bảo tiêu chuẩn; có đường chạy, hồ cát theo quy định.

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập của nhà trường đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục; là một điểm thường xuyên được Sở GD-ĐT sử dụng tổ chức thi đấu các môn cầu lông, bóng rổ của Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh; là địa điểm được chọn tổ chức giao lưu các môn thi đấu bóng chuyền, bóng rổ, tập huấn bơi phòng chống đuối nước.

Mức 3

Là trường nằm ở trung tâm thành phố, có diện tích đạt 11.2m²/học sinh (so với mức 3 là 6m²/học sinh); Tuy được thành lập trước năm 1975, trường vẫn đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định và khu sân chơi, bãi tập có diện tích bằng 30% tổng diện tích sử dụng của trường (so với mức 3 là 25%). [H3-3.1-05] (báo cáo sơ, tổng kết), [H3-3.1-06] (sổ sách quản lý tài sản, thiết bị), [H3-3.1-07] (Hình ảnh: cổng trường- biển trường, tường rào; Sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bể bơi).

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có diện tích, khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập rộng rãi đảm bảo theo quy định của Điều lệ; có cây xanh thoáng mát, luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”; nhà trường có hồ bơi để tổ chức dạy bơi cho học sinh, góp phần phòng chống đuối nước cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Do nằm ở vị trí trũng thấp nên sân trường thường bị ngập nước trong mùa mưa bão.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phát huy thế mạnh của nhà trường về sân chơi, bãi tập để nâng cao chất lượng môn giáo dục thể chất; sử dụng hiệu quả hồ bơi, nâng cao chất lượng việc dạy bơi cho học sinh.

Các ngành chức năng đã lập kế hoạch nâng sân trường trình Sở GDĐT với tổng mức đầu tư dự toán khoảng 5 tỷ đồng, tuy nhiên do chưa có nguồn vốn, đến nay vẫn chưa thực hiện được [H3-3.1-08] (Báo cáo xin chủ trương đầu tư nâng sân trường).

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	

c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1

- a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;
- b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;
- c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

- a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;
- b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

- a) Nhà trường có 44 phòng học, đủ phòng học được sử dụng cho 45 lớp học, trong đó: 34 phòng học có diện tích mỗi phòng 50m²(đủ chuẩn) và 10 phòng có diện tích 63m²(trên chuẩn); mỗi phòng học có bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh theo quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT về tiêu chuẩn bàn ghế học sinh, được lắp bảng chống loá đúng tiêu chuẩn; đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát **[H3-3.2-01]** (Hình ảnh: các nhà lớp học, phòng học bàn ghế học sinh, bảng chống loá, hệ thống đèn, quạt phòng học); đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;
- b) Nhà trường có đủ các phòng học bộ môn thí nghiệm thực hành, mỗi phòng đều có kho chứa, phòng chuẩn bị: Vật lý (90m²), Hóa học (160m²), Sinh học (90m²), 2 phòng Tin học (mỗi phòng 80m²) được kết nối Internet, phòng LAB với 48 cabin (80m²) đạt theo tiêu chuẩn quy định về phòng học bộ môn ban hành theo Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào tạo; trường có Nhà tập đa Năng. Các phòng bộ môn có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo dõi việc sử dụng trang thiết bị; kế hoạch sử dụng tuần, tháng, học kỳ, năm học, nội quy, lịch hoạt động, cập nhật sổ sách, sắp xếp khoa học trang thiết bị dạy học; Có kế hoạch kiểm tra định kỳ, duy tu bảo dưỡng, đề xuất mua sắm thiết bị .
- c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn , thư viện và phòng truyền thống.

[H3-3.2-01] (Hình ảnh các phòng bộ môn Lý, Hóa, sinh, Tin học, LAB, nhà tập đa Năng; phòng đoàn, thư viện, phòng truyền thống, **[H3-3.2-02]** (hồ sơ : Kế hoạch tuần, tháng, học kỳ, năm, sổ thực hành; sổ sử dụng đồ dùng dạy học (cho mượn)

Mức 2.

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, Nhà lớp học có lối đi cho người khuyết tật, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập; [H3-3.2-03] (Hình ảnh lối đi cho người khuyết tật dãy nhà 4 tầng, nhà tập đa năng)

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3: Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

[H3-3.2-04] Hồ sơ: Kế hoạch tuần, tháng, học kỳ, năm, sổ thực hành; sổ sử dụng đồ dùng dạy học (cho mượn); Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất; [H3-3.1-01] : Sơ đồ tổng thể của nhà trường; Báo cáo sơ, tổng kết [H3-3.2-06]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các phòng học bộ môn thí nghiệm thực hành Lý, Hóa, Sinh đúng chuẩn theo quy định; 2 phòng Tin học (mỗi phòng 80m²) , phòng LAB với 48 cabin đảm bảo yêu cầu giảng dạy môn Tin học, ngoại ngữ trong nhà trường; có Nhà tập đa năng đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập Thể dục thể thao; có đầy đủ phòng truyền thống, thư viện đạt chuẩn quốc gia và phòng đoàn đội theo quy định.

3. Điểm yếu:

Các phòng bộ môn thiết bị còn thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ theo quy định.

Các phòng học, phòng học bộ môn chưa có đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Sử dụng hiệu quả các phòng bộ môn để nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

Hàng năm mua sắm thiết bị, dụng cụ, đồ dùng dạy học bổ sung đầy đủ cho các bộ môn, trang bị đồng bộ cho các phòng bộ môn Lý, Hóa, sinh; mua máy tính bổ sung cho phòng Vi tính; mua Tivi 43 inch hoặc máy chiếu Projector [H3-3.2-09] (kế hoạch mua sắm: máy tính, máy chiếu, ti vi cho các phòng bộ môn, lớp học),

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không Đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...			
Đạt		Đạt		Không Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - Quản trị

Mức 1

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

- a) Nhà trường có khối hành chính – quản trị đáp ứng tốt các hoạt động hành chính- quản trị của nhà trường, cụ thể có đầy đủ phòng làm việc của: Hiệu trưởng, các P.Hiệu trưởng, các tổ chức đoàn thể, văn thư, kế toán-tài vụ, Công nghệ thông tin, phòng khách, phòng họp 60 chỗ ngồi và hội trường 180 chỗ ngồi; phòng Y tế.
- b) Nhà trường có khu để xe bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự, nhà xe giáo viên có diện tích 175m², 4 nhà xe học sinh có diện tích trên 500m².
- c) Nhà trường thường xuyên, định kỳ sửa chữa, bổ sung thiết bị khối hành chính: mua sắm trang bị máy vi tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế, tủ ...).

Mức 2

Nhà trường không có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ. Tuy nhiên nhà trường có Căn tin, phục vụ cho học sinh đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định; có nhà để xe của GV và HS.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

[H3-3.3-01] Hình ảnh: khối Hành chính-Quản trị: Phòng HT, P.HT, CNTT, Công đoàn, Văn thư, Kế toán, phòng khách, phòng họp, hội trường các phòng của khối hành chính, phòng Y tế; nhà để xe của GV và HS; Căn tin, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm; [H3-3.3-02]: Kế hoạch, hóa đơn chứng từ mua sắm bổ sung thiết bị phục vụ hành chính. [H3-3.3-03]: Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà Hành chính; Nhà xe, [H3-3.3-04]: Biên bản kiểm kê tài sản;

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Khối hành chính – quản trị đáp ứng tốt các hoạt động hành chính- quản trị của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học: có đầy đủ phòng làm việc của: Hiệu trưởng, các P.Hiệu trưởng, các tổ chức đoàn

thể, văn thư, kế toán-tài vụ, Công nghệ thông tin, phòng khách, phòng họp, hội trường, phòng Y tế.

Thực hiện tốt việc sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

3. Điểm yếu:

Nhà để xe cho học sinh chưa kiên cố.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất khối hành chính-quản trị; đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện nghiêm túc chỉ thị 23-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt việc định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị đáp ứng tốt nhất cho công việc hành chính và quản trị nhà trường.

Nhà trường lập kế hoạch và tiến hành cải tạo xe cho học sinh (đối diện dãy 2 tầng).

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

a) Nhà trường có đầy đủ các khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường, cụ thể như sau: Nhà lớp học 4 tầng, *mỗi tầng* được thiết kế khu vệ sinh riêng có diện tích 51m^2 gồm hai nhà vệ sinh độc lập cho học sinh nam và nữ, đồng thời có 1 nhà vệ sinh cho giáo viên bên phòng chờ; đối với nhà lớp học 2 tầng và 3 tầng nhà trường xây dựng hai khu vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam có diện tích 43m^2 với 8 phòng cầu, cho học sinh nữ có diện tích 40m^2 với 8 phòng cầu; phòng chờ giáo viên có khu vệ sinh riêng diện tích 12m^2 với hai phòng cầu riêng biệt cho nam và nữ; khối nhà hành chính 3 tầng, *mỗi tầng* đều có khu vệ sinh riêng có diện tích 16m^2 , với hai nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ. Các khu vệ sinh xây dựng đúng chuẩn, thường xuyên vệ sinh sạch sẽ và đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt, đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Nhà trường đảm bảo đầy đủ nước sinh hoạt của giáo viên và học sinh được sử dụng từ nguồn nước máy thành phố; đảm bảo đầy đủ nước uống cho giáo viên và học sinh được sử dụng từ nguồn nước tinh khiết đóng thùng; có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống thoát nước bố trí thoát ra khu vực đường Hai Bà Trưng, tuy nhiên hiện tại đường đang làm dở nên hệ thống thoát nước của trường chưa đấu nối với hệ thống thoát nước của thành phố.

c) Nhà trường thực hiện tốt việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường: giao nhiệm vụ cho học sinh trực nhật, vệ sinh lớp học hằng ngày, thuê nhân công xử lý rác và vệ sinh khu vực nhà vệ sinh; ký hợp đồng với nhân công thu gom rác để xử lý rác hằng ngày. Đặc biệt nhà trường có hệ thống thu gom rác thải tái sử dụng.

Mức 2

a) Khu vệ sinh của nhà trường đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

[H3-3.4-01] (Hình ảnh các nhà vệ sinh: học sinh Nam, nữ, nhà vệ sinh giáo viên, nhân viên; các thùng thu gom rác tái sử dụng, xe thu gom rác thải; hệ thống cấp nước sinh hoạt, nước uống); [H3-3.4-02]: Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch; [H3-3.4-03]: Hoá đơn thu tiền nước hằng tháng;

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

Nhà trường có nguồn nước sạch sinh hoạt đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, cung cấp nước uống cho học sinh đạt tiêu chuẩn, đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc thu gom, xử lý rác thải, đảm bảo giữ gìn vệ sinh trong nhà trường luôn sạch sẽ; đặc biệt có hệ thống thùng thu gom rác thải tái sử dụng, góp phần giáo dục ý thức phân loại rác thải, ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Hệ thống thoát nước của nhà trường chưa đấu nối với hệ thống thoát nước của thành phố nên thoát nước chậm khi có mưa lớn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường đẩy mạnh công tác giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường cho học sinh; tiếp tục chỉ đạo CBGV, học sinh thực hiện tốt công tác lao động vệ sinh, xây dựng nhà trường sạch đẹp.

Nhà trường tiếp tục đề xuất với Sở GD&ĐT làm việc với UBND tỉnh cấp vốn nâng sân trường để giải quyết việc thoát nước của nhà trường (đã nêu ở tiêu chí 1).

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	
b	Đạt	...	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

- Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường, các phòng làm việc của các bộ phận, cá nhân tùy theo công việc được bố trí đầy đủ bàn, ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, máy photocopy (văn thư); nhà trường mua sắm máy chiếu Projector (13 cái), tivi màn hình lớn (20 cái), máy chiếu lập thể (2 cái) trang bị tại các phòng bộ môn, phòng giảng dạy ứng dụng công nghệ thông tin và ở một số lớp học; nhà trường thực hiện kết nối mạng Internet hai phòng thực hành Tin học, máy tính quản lý, văn phòng, các bộ phận, thư viện, xây dựng trang Web riêng, lắp đặt hệ thống Wifi để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học.

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho các môn học theo quy định. Đối với các phòng bộ môn, có đủ bộ thiết bị cho 6 nhóm thực hành bị và dự phòng, đáp ứng đầy đủ các tiết thực hành theo chương trình môn học.

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, đánh giá và sửa chữa.

Mức 2.

a) Hệ thống máy tính nhà trường được kết nối Internet phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy học; hai phòng máy của trường là điểm tổ chức thi học sinh Giỏi của Sở GDĐT.

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học cho các môn học theo quy định.

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3: Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. **[H3-05-01]** :Hình ảnh: thiết bị văn phòng, phòng bộ môn, phòng dạy công nghệ TT, tivi lớp học; thiết bị TNTH tại các phòng bộ môn; phòng Tin kết nối Internet; các thiết bị khác. **[H3-05-02]** (Kế hoạch, đề xuất, chứng từ mua sắm bổ sung thiết bị hàng năm, thiết bị dạy học tự làm). **[H3-05-03]**: Hóa đơn mua sắm, sửa chữa đồ dung, thiết bị. **[H3-05-04]**: Hợp đồng kết nối mạng. **[H3-05-05]** : Hoá đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng. **[H3-05-06]**: biên bản kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn với các thành viên trong tổ chuyên môn.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường có hiệu quả; có đủ thiết bị dạy học theo quy định; hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy

học, có trang Web riêng, Wifi; hàng năm đầu tư mua sắm, tự làm thiết bị, đồ dung dạy học bổ sung kịp thời phục vụ tốt cho việc dạy và học.

3. Điểm yếu:

Thiết bị dạy học được trang bị qua nhiều giai đoạn nên thiếu đồng bộ; phòng thí nghiệm chưa có đầy đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các thiết bị văn phòng; các phòng bộ môn và các thiết bị khác phục vụ ngày càng tốt hơn các hoạt động của nhà trường.
- Đầu tư tu sửa các phòng bộ môn khang trang, hàng năm, thực hiện tốt công tác mua sắm bổ sung các trang thiết bị dạy học, đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dung dạy học trong giáo viên và học sinh để phục vụ ngày càng tốt hơn việc dạy và học.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	c	Đạt	...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

- a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;
- b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;
- c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2: Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3: Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

a) Thư viện của nhà trường có diện tích gần 200m^2 , có kho sách, phòng đọc cho giáo viên và học sinh; được trang bị đầy đủ sách (22.563 bản, trong đó sách tham khảo 14.708 bản, sách giáo khoa 5.884 bản, sách giáo viên 1.971 bản), báo (Nhân dân, Phú yên, Giáo dục thời đại, Phụ nữ Việt nam), tạp chí (Tạp chí Cộng sản, Toán học và tuổi trẻ, Nghiên cứu Lịch sử, Hóa học ứng dụng, Văn học và tuổi trẻ, Vật lý tuổi trẻ, Hoa học trò, Xưa và nay), và các xuất bản phẩm tham khảo, sách trưng bày theo chủ đề phục vụ tốt cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường; thư viện có đầy đủ nội quy, các câu khẩu hiệu trang trí theo quy định. Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường tổ chức tập huấn cho học sinh lớp 10 đề giới thiệu tổng quan thư viện, hướng dẫn các thủ tục mượn, trả sách, kỹ thuật tra cứu sách trên phần mềm (quản lý thư viện) và phát thẻ bạn đọc cho học sinh;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng tốt yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh; Thư viện tổ chức, phát động Ngày hội đọc sách, hưởng ứng “Tuần lễ học tập suốt đời”.

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, mua sắm bổ sung sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo cho thư viện đáp ứng yêu cầu dạy, học và các hoạt động khác của nhà trường (năm học 2016-2017: 183 bản, 9.170.000đ, năm học 2017-2018: 76 bản, 5.842.000đ, năm học 2018-2019: 338 bản, 24.906.000đ, 2019-2020: 476 bản, 14.951.200 đồng, năm học 2020-2021: 600 bản, 21.000.00đ).

Mức 2.

Năm 2001 thư viện của nhà trường được công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn theo Quyết định 659/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; năm 2012 được công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định 01/2003/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mức 3: Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, tuy nhiên thư viện nhà trường chưa được công nhận tiến tiến. **[H3-06-01]:** Hình ảnh nhà thư viện, sách báo, tạp chí ; hoạt động của thư viện hệ thống máy tính kết nối mạng của thư viện. **[H3-06-02]** (hồ sơ, sổ sách, kiểm kê thư viện. **[H3-06-03]** (hóa đơn mua sắm sách, báo, tạp chí). **[H3-06-04]:** Chứng nhận thư viện đạt chuẩn.

2. Điểm mạnh:

Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ tốt các hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường; hoạt động của thư viện đáp ứng tốt yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh; đã được công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết

định 01/2003/QĐ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có đầy đủ hồ sơ, sổ sách thư viện đúng theo quy định; hằng năm, nhà trường tiếp tục mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác phục vụ việc dạy và học. Phong trào đọc sách, báo tạp chí trong trường đã được phát động, duy trì nhiều năm.

3. Điểm yếu:

Trong một những năm gần đây, trước sự bùng nổ của công nghệ thông tin, số lượng học sinh đến phòng đọc của nhà trường đọc sách có xu hướng giảm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho học sinh về văn hóa đọc, tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá sách của thư viện; không ngừng nâng cao phong trào đọc sách trong toàn toàn thể CB-GV-NV và học sinh, tổ chức tốt “Ngày hội đọc sách” để tăng thêm số lượng bạn đọc.

Năm học 2019-2020 tiến hành sửa chữa nhà thư viện nên thư viện khang trang hơn, tiếp tục thực hiện việc mua sắm bổ sung sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo cho thư viện đáp ứng yêu dạy, học và các hoạt động khác của nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng; một nửa số bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn phù hợp với lứa tuổi, nửa còn lại đã cũ, có đầy đủ trang thiết bị để phục vụ cho hoạt động giáo dục; có đầy đủ sân chơi, bãi tập đảm bảo sạch sẽ thoáng mát, tuy nhiên sân trường trũng thấp thường bị ngập úng trong mùa mưa bão; có đầy đủ các khu vệ sinh cho học sinh và giáo viên đảm bảo vệ sinh môi trường; có hệ thống xử lý rác thải; hệ thống nước sinh hoạt đảm bảo sức khỏe. Nhà trường đảm bảo đầy đủ khôi phục vụ học tập, đủ trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học. Các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn được trang bị đủ các dụng cụ thí nghiệm, thiết bị dạy học. Lãnh đạo nhà trường, các đoàn

thể và giáo viên luôn giáo dục học sinh giữ gìn vệ sinh môi trường chung tạo cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 06/06.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 06/06.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 02/05.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường có Ban đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động. Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với Ban đại diện CMHS, các tổ chức, cá nhân để huy động nguồn lực phát triển và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất; trang thiết bị dạy và học; khen thưởng học sinh học giỏi các khối, học sinh có thành tích xuất sắc trong các hoạt động phong trào và hỗ trợ học sinh có nguy cơ bỏ học vì hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh đồng thời thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

- a) Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp nhằm thống nhất kế hoạch công tác và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp. Sau cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tiến hành Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh, qua đó thông qua quy chế hoạt động, chương trình kế hoạch công tác

trong năm học và bầu ra *Ban đại diện cha mẹ học sinh trường* (gồm 11 thành viên, đại diện cho 3 khối 10, 11, 12), bầu Trưởng ban đại diện, các phó ban đại diện và phân công nhiệm vụ trong Ban đại diện.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành tại thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 25/11/2011: họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp 3 lần/năm vào đầu năm, kết thúc kỳ I và cuối năm học, nhằm thông báo kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn với cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh và cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến, kiến nghị các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; họp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thực hiện theo kế hoạch (định kỳ 3 lần/năm, ngoài ra Trưởng Ban đại diện triệu tập các cuộc họp đột xuất khi có yêu cầu)

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hoạt động có hiệu quả, theo đúng quy định; Hiệu trưởng nhà trường trực tiếp tham gia các kỳ họp của ban đại diện cũng như việc phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra kế hoạch hoạt động trong năm học và được thống nhất trong tập thể cha mẹ học sinh toàn trường, trên cơ sở đó triển khai thực hiện.

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh đã thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ kế hoạch hoạt động đã đề ra trong năm học, góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường: Hội nghị cha mẹ học sinh lớp, Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường, phối hợp với nhà trường trong mọi hoạt động giáo dục, khen thưởng học sinh...vv.

[H4-01-01]: Văn bản thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường;

[H4-01-02]: Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;

[H4-01-03]: Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;

[H4-01-04]: Các biên bản họp cha mẹ học sinh;

Mức 2.

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: Khen thưởng động viên học sinh có thành tích cao trong học tập, tu dưỡng rèn luyện; các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao; quan tâm tạo điều kiện, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; phối hợp với nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; chăm lo nuôi dưỡng, giáo dục, tạo mọi điều kiện, động viên khuyến khích con em đến trường, không để học sinh nghỉ học.

Mức 3.

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng kỷ luật của nhà để phối hợp giáo dục học sinh vi phạm nội quy, kỷ luật của nhà trường; với địa phương quản lý học sinh; nhắc nhở cha mẹ học sinh tham gia quản lý các em trong kỳ nghỉ hè tại địa phương.

[H4-01-05]: Biên bản họp giữa ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường;

[H4-01-06]: Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất;

[H4-01-07]: Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh thành lập đúng quy định, hoạt động đúng điều lệ, hiệu quả; phối hợp tốt với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Do điều kiện công việc nên một số thành viên của Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc phối hợp với nhà trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong năm học.

Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh lựa chọn những người có điều kiện, uy tín tham gia Ban đại diện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đều tay hơn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1

a) Đảng bộ nhà trường trực thuộc Thành ủy, đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền thành phố Tuy Hòa tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch giáo dục: Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 được Thành ủy phê duyệt, Đảng ủy xây dựng kế hoạch của từng năm, kế hoạch tháng gửi Thành ủy để xin ý kiến chỉ đạo; khi có vấn đề phát sinh nhà trường có văn bản báo cáo Thành ủy, UBND thành phố để tham mưu, đề xuất phương án giải quyết; Hiệu trưởng nhà trường là thành viên của Hội đồng giáo dục quốc phòng thành phố; Lãnh đạo nhà trường là ủy viên Hội chữ thập đỏ thành phố; thông qua mô hình trường phường, tham mưu, phối hợp với chính quyền phường 5 về công tác đảm bảo an ninh trật tự. Nhà trường đã thường xuyên báo cáo, xin chỉ đạo của Sở GDĐT về kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường.

b) Thông qua trang Web của trường, nhà trường đã thực hiện tốt việc tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Hàng năm, nhà trường đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định: Huy động tăng cường cơ sở vật chất; huy động tặng học bổng; quỹ khuyến học - khuyến tài .

[H4-4.2-01]: Chương trình kế hoạch tháng, năm của Đảng ủy, các văn bản khác.

[H4-4.2-02]: Giấy khen của Hội đồng giáo dục quốc phòng thành phố, giấy khen của Hội Chữ thập đỏ thành phố. **[H4-4.2-03]:** Văn bản về mô hình trường phường. **[H4-4.2-04]:** Báo cáo về: vận động trao học bổng, đóng góp quỹ khuyến học khuyến tài.

Mức 2.

a) Nhà trường đã tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển: Thông qua chương trình, kế hoạch công tác, qua các cuộc giao ban hàng tháng của Thành ủy, đảng bộ nhà trường nhận được sự chỉ đạo sâu sát của Thành ủy và nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của Thành ủy, UBND thành phố, chính quyền phường 5 nơi trường đứng chân hoàn thành xuất sắc phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

b) Hàng năm nhà trường phối hợp với Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử (nghĩa trang liệt sỹ Đông tác), tham quan ngoại khóa (thăm Nhà thờ Bác Hồ tại sơn Hòa, thăm Bảo tàng Quang Trung tại Tây Sơn, Bình Định, dọn vệ sinh và thắp hương nhĩa trang liệt sỹ,...), thăm Bảo tàng Phú Yên; đặc biệt nhà trường phụng dưỡng mẹ Việt nam Anh hùng Nguyễn Thị Thằng tại phường 7, thành phố Tuy Hòa qua đó giáo dục học sinh truyền thống lịch sử, văn hóa, uống nước nhớ nguồn của dân tộc.

[H4-4.2-05]: Hình ảnh về nguồn, thăm Mẹ VNAH, thăm bảo tàng Phú Yên, dọn vệ sinh và thắp hương nhĩa trang liệt sỹ.

Mức 3.

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường chủ động tham mưu với Thành ủy, UBND và chính quyền phường 5 về kế hoạch và các biện pháp phát triển nhà trường. Phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường dựng môi trường giáo dục an toàn và lành mạnh, thực hiện tốt hoạt động chăm sóc di tích lịch sử, tham quan ngoại khóa, nuôi dưỡng chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng. Nhà trường đã thực hiện tốt việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

3. Điểm yếu:

Việc tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương đạt kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thực hiện tốt việc: tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định; tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, tham quan ngoại khóa, phụng dưỡng mẹ Việt nam Anh hùng.

Đẩy mạnh việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định, đặc biệt từ cựu học sinh của trường. Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường thực sự trở thành trung tâm văn hóa tại địa phương.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt

b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận Tiêu chuẩn 4

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là các thế hệ cựu học sinh và Ban đại diện CMHS trong việc ủng hộ kinh phí sửa chữa CSVG; nâng cấp xây dựng cảnh quan nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp. Trường có Ban đại diện CMHS hoạt động tích cực và hiệu quả theo Điều lệ Ban đại diện CMHS, mỗi lớp có một Ban đại diện CMHS tổ chức theo từng năm học. Các tổ chức, chính quyền, đoàn thể ở địa phương, Ban đại diện CMHS rất quan tâm, nhiệt tình trong việc phối hợp với Nhà trường trong công tác giáo dục học sinh và huy động nguồn lực xây dựng CSVG của nhà trường.

Chưa huy động tốt các nguồn lực của xã hội để góp phần xây dựng nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 02/02.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 02/02.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 01/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Phát huy truyền thống dạy và học, trong gần 65 năm qua trường THPT Nguyễn Huệ đã đạt được những kết quả đáng tự hào, tạo được niềm tin yêu đối với lãnh đạo và nhân dân địa phương. Xác định công tác giáo dục là nhiệm vụ then chốt, tập thể sư phạm nhà trường không ngừng đổi mới phương pháp quản lý, phương pháp giảng dạy, triển khai và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy và học. Nhà trường đã triển khai và thực hiện nghiêm túc kế hoạch, chương trình của ngành, góp phần cùng với ngành giáo dục tỉnh nhà nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển toàn diện cho học sinh, hoàn thành mục tiêu giáo dục.

Trong suốt thời gian xây dựng và phát triển, trường THPT Nguyễn Huệ không ngừng tổ chức các hoạt động giáo dục với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với lứa tuổi. Nhà trường luôn chú trọng công tác giáo dục truyền thống, bồi dưỡng tình cảm trong sáng cho học sinh, thông qua việc tổ chức các hoạt động văn nghệ, TDTT, hoạt động đoàn, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện, giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động dạy học tích hợp. Duy trì công tác tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, phát huy việc viết và áp dụng các Sáng kiến kinh nghiệm, đề tài Nghiên cứu khoa học ứng dụng, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị dạy học, các phòng chức năng, tăng cường công tác giúp đỡ và nhận đỡ

đầu học sinh, phụ đạo học sinh yếu kém, phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, đẩy mạnh phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, chú trọng công tác vệ sinh môi trường, lao động tập thể, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng phòng tránh đuối nước, tai nạn giao thông và tai nạn thương tích,... Học sinh được học tập trong một môi trường thân thiện, an toàn.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Nhà trường có kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, tháng, tuần **[H5-5.1-01]**.

Thực hiện đủ 35 tuần thực học trong năm học, theo đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo kiến thức theo chuẩn kiến thức, kỹ năng qui định, phương pháp, hình thức phù hợp với đối tượng, đáp ứng khả năng nhận thức của học sinh. Giáo viên thực hiện kế hoạch dạy học theo đúng với phân phối chương trình, có lịch báo giảng ghi đầy đủ chương trình giảng dạy trong từng tuần, tháng, học kỳ. Sổ ghi đầu bài được ghi đầy đủ các nội dung và được giáo viên nhận xét đánh giá sau từng tiết học **[H5-5.1-02]**.

Nhà trường có rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy, học tập và điều chỉnh bổ sung nếu cần thiết. Hàng tháng, nhà trường đều yêu cầu các tổ chuyên môn, các giáo viên rà soát tiến độ thực hiện chương trình để có kế hoạch dạy bù giờ sao cho kết thúc học kỳ phải hoàn thành chương trình theo phân phối. **[H5-5.01-03]**

Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện

nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh mới thực hiện ở cấp tổ chuyên môn.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc kế hoạch và chương trình dạy học theo quy định.

Việc thực hiện phân phối chương trình thống nhất, chủ động kiểm soát được tiến độ.

3. Điểm yếu:

Việc thực hiện các tiết hoạt động GDNGLL-HN chưa sinh động. Việc tích hợp trong dạy học chưa có nhiều, thực hiện chưa đồng đều, nhiều học sinh chưa chủ động trong việc áp dụng kiến thức học được vào thực tế.

Một số giáo viên lớn tuổi thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy còn thụ động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục bám sát, triển khai kế hoạch của cấp trên trong việc thực hiện chương trình, việc dạy học tích hợp, việc áp dụng kiến thức liên môn trong giải quyết vấn đề thực tiễn.

Có các hình thức sát thực hơn nhằm khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, quản lí. Tổ chức kiểm tra việc xây dựng, dự giờ các bài giảng có ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1

- a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.
- b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện
- c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập. Tổ chức thực hiện kế hoạch phụ đạo hàng tuần cho học sinh yếu mỗi tuần 2 tiết. Nhà trường tổ chức quỹ khuyến học khuyến tài huy động sự đóng góp của thầy cô và cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng học sinh có năng khiếu có thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa và khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, cấp quốc gia. **[H5-5.2-01]**

Trong những năm qua không có học sinh bỏ học, ở lại lớp do hoàn cảnh khó khăn.

Trong các năm học 2016-2017; 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 đều có học sinh đạt giải khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. **[H5-5.2-02]**.

2. Điểm mạnh: Thành tích trong các cuộc thi sáng tạo KHKT trong học sinh đạt cao. Việc huy động sự đóng góp của cá nhân, tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường cho công tác khuyến học khuyến tài đạt hiệu quả. Không có học sinh bỏ học hay ở lại lớp.

3. Điểm yếu: Một số học sinh có năng lực nhưng chưa mặn mà trong phong trào thi học sinh giỏi. Thành tích thi học sinh giỏi các bộ môn văn hóa chưa bền vững, chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: Tiếp tục tìm các giải pháp nhằm động viên học sinh tham gia các đội tuyển dự thi học sinh giỏi. Các tổ chuyên môn đổi

mới phương pháp, hình thức bồi dưỡng học sinh giỏi, đồng thời chú trọng việc tuyên truyền động viên học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	...		...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT **[H5-5.3-01]**, góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học như: Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, GDNGLL và các giờ sinh hoạt lớp. Đoàn Thanh niên tổ chức các chuyến hành trình về nguồn, thăm các di tích lịch sử, văn hóa, giao lưu với các nhân chứng lịch sử ở quê hương giúp các em có thêm tầm nhìn và thắp sáng những ước mơ cao đẹp để các em tiếp nối truyền thống tốt đẹp của quê hương **[H5-5.3-02]**. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử địa phương khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

Tuy nhiên việc tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Học sinh được tiếp cận những vấn đề về địa phương rất thân thuộc, gắn bó như tham quan một số di tích lịch sử tại địa phương nên phát huy được vốn hiểu biết của mình thông qua hoạt động giáo dục địa phương. Từ đó giáo dục các em

lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử, địa lý,... địa phương.

3. Điểm yếu:

- Tài liệu về địa phương chưa phổ biến rộng rãi, giáo viên phải tìm kiếm và học sinh cũng ít có cơ hội tiếp cận.
- Công tác rà soát, đánh giá cải tiến điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Những năm học tới, nhà trường cần chú trọng, tăng cường công tác rà soát, đánh giá, cải tiến nhằm điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp.
- Tăng thời lượng cho hoạt động giáo dục địa phương, tích cực tổ chức cho học sinh tham quan, học tập các vấn đề thực tế của địa phương thông qua các chương trình như: Bổ sung tư liệu giáo dục địa phương trong thư viện để HS có điều kiện đọc, tìm hiểu.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	...	...
b	Đạt	...		...	
c		...		...	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

- Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.*
- Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch*
- Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2

- Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.*
- Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường kết hợp với trung tâm Hướng nghiệp tỉnh dạy cho học sinh một số nghề phổ thông phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương **[H5-5.4-01]**, 100% học sinh lớp 11 tham gia học nghề phổ thông. Kết quả xếp loại môn học nghề phổ thông 100 % học sinh đạt từ trung bình trở lên. Thực hiện đầy đủ các tiết giáo dục ngoài giờ lên lớp và hướng nghiệp theo chương trình qui định. **[H5-5.4-02]**

- Thông qua chủ điểm hoạt động hàng tháng, nhà trường Tổ chức các hoạt động hội thi nhân các ngày lễ lớn như: thi cắm hoa nghệ thuật, văn nghệ, hội trại, hội chợ ẩm thực, duyên dáng nữ sinh ... thông qua các hoạt động này các em được thể hiện khả năng ý tưởng của mình, rèn luyện kỹ năng hoạt động nhóm.**[H5-5.4-03]**

- Nhà trường còn tổ chức các buổi tuyên truyền các chủ đề về sức khỏe, giới tính, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, phòng chống cháy nổ, về an toàn vệ sinh thực phẩm... tạo cho học sinh phong cách sống lành mạnh, an toàn. **[H5-5.4-03]**

- Trong các hoạt ngoại khóa đã huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia. Nhà trường đã tiến hành sơ kết rà soát, đánh giá hoạt động ngoại khóa thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường. **[H5-5.4-04]**

2. Điểm mạnh: Có các kế hoạch tổ chức cụ thể, học sinh tích cực thực hiện tốt. Chương trình giáo dục được triển khai nghiêm túc, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu: Còn hạn chế trong công tác kiểm tra đánh giá, một số học sinh còn thiếu ý thức khi tham gia giao thông như: Không đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện, đi dàn hàng ngang trên đường gây cản trở giao thông, ...

4.Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chương trình hoạt động giáo dục NGLL- HN và học nghề phổ thông theo qui định, Giáo viên chủ nhiệm chú trọng đổi mới tổ chức các buổi hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hấp dẫn hơn, có hiệu quả hơn.

- Đề ra các giải pháp cụ thể xử lý các học sinh thiếu ý thức tham gia giao thông, không đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện.

5.Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	...	
b	Đạt	b	Đạt	...	
c	Đạt	...		...	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường giáo dục ý thức, tuyên truyền chấp hành luật giao thông tới toàn thể học sinh. Vào đầu năm học nhà trường tổ chức cho học sinh ký cam kết thực hiện an toàn giao thông. Đã có các pano, khẩu hiệu tuyên truyền về an toàn giao thông. **[H5-5.5-01]**

Nhà Trường cũng đã tổ chức các hoạt động ngoại khóa giáo dục giới tính, sức khỏe vị thành niên, tổ chức các hội thi nhân các ngày lễ lớn như: thi cắm hoa nghệ thuật, văn nghệ, hội trại, hội chợ ẩm thực, duyên dáng nữ sinh, ... thông qua các hoạt động này các em được thể hiện khả năng ý tưởng của mình, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng xử, kiểm chế, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh. **[H5-5.5-02]**

Nhà trường có câu lạc bộ Khoa học kỹ thuật sinh hoạt hàng tuần, đồng thời các tổ chuyên môn tổ chức ngoại khóa theo các chuyên đề giúp các học sinh vừa có kiến thức vừa rèn luyện kỹ năng sống, học sinh phải biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, các em đã tự tin, sáng tạo, biết vận dụng kiến thức đã học đưa vào thực tiễn một cách linh hoạt, sáng tạo và rất công phu, đồng thời làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học. **[H5-5-5-03]**

Sau 8 năm tham gia cuộc thi KHKHKT dành cho học sinh THPT đã đạt được kết quả như sau:

Cấp tỉnh: Đạt 6 giải nhất, 7 giải nhì, 6 giải ba;

Cấp quốc gia: Đạt 2 giải nhất, 3 giải nhì, 2 giải ba, 1 giải tư.

2. Điểm mạnh: Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa giáo dục và rèn luyện các kỹ năng sống; Kết quả tham gia các cuộc thi KHKHKT đạt kết quả cao

3. Điểm yếu: Còn hạn chế trong công tác kiểm tra đánh giá; một số học sinh còn thiếu ý thức khi tham gia giao thông như: Không đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện, ...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Đề ra các giải pháp cụ thể giáo dục, xử lý các học sinh thiếu ý thức tham gia giao thông, không đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện.
- Lập tổ tư vấn tâm lý học đường, cử giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng làm công tác giáo dục kỹ năng sống.
- Tiếp tục rút kinh nghiệm và đổi mới trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa để có hiệu quả cao hơn và đi vào nề nếp.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	Đạt		*	Đạt
b	Đạt	Đạt		...	
c		...		...	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1

- Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.
- Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường
- Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường

Mức 2

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.
- Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá

Mức 3

- Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với

trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong 5 năm gần đây chất lượng học tập của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả xếp loại học lực năm sau thường cao hơn năm trước, tỉ lệ học sinh có học lực khá trở lên đều đạt trên 90%. Số học sinh xếp loại yếu ngày càng giảm chỉ ở mức dưới 0,2%, không có học sinh phải ở lại lớp. Ý thức chấp hành pháp luật nội quy trường của học sinh có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Do đó, tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt TB từ 99% trở lên, không có học sinh xếp loại yếu về hạnh kiểm, không có học sinh của nhà trường vi phạm nội quy nhà trường, lớp dẫn đến bị xử lý kỷ luật buộc thôi học. Kết quả được thể hiện qua bảng tổng hợp số liệu trong 4 năm gần đây [H5.5.6.01].

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC

Năm học	Tổng số	Học Lực									
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2016-2017	1756	559	31.83	1132	64.46	65	3.7	0	0	0	0
2017-2018	1777	465	26.17	1229	69.16	83	4.67	0	0	0	0
2018-2019	1769	570	32,22	1130	63,88	67	3,79	1	0,06	0	0
2019-2020	1776	814	45.8	923	52	37	2.08	2	0.11	0	0
2020-	1689	790	46.8	876	51.9	23	1.36	0	0	0	0

2021											
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

THÔNG KÊ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Năm học	Tổng số	Hạnh Kiểm									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	%	%	SL	%	SL	%
2016-2017	1756	1614	91.91	138	7.86	0	0.23	0	0	0	0
2017-2018	1777	1680	94.54	96	5.4	0	0.06	0	0	0	0
2018-2019	1769	1660	93,84	107	6,05	2	0,11	0	0	0	0
2019-2020	1776	1666	93.8	106	5.97	4	0.23	0	0	0	0
2020-2021	1689	1620	95.91	69	4.09	0	0	0	0		

2. Điểm mạnh: Chất lượng học tập của học sinh khối 10, 11 và 12 có nhiều chuyển biến tích cực..Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt có chiều hướng tăng, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu.

3. Điểm yếu: Một bộ phận nhỏ học sinh ít tự giác, nỗ lực trong học tập và rèn luyện nên vi phạm nội quy trường lớp, quy chế kiểm tra thi cử. Kết quả thi học sinh giỏi các môn văn hóa có chuyển biến tích cực nhưng chưa vững chắc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Tiếp tục đổi mới các hoạt động giáo dục đạo đức, hoạt động ngoại khóa, có các biện pháp hiệu quả để học sinh chủ động chấp hành nội qui, xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, ngăn chặn không để bạo lực học đường và tệ nạn xã hội xâm nhập học đường.

- Chủ động và tăng cường sự phối hợp với gia đình và xã hội, trong việc chăm lo, giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt				
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường thực hiện đúng các quy định về chuyên môn theo chương trình của Bộ GDĐT. Kế hoạch chuyên môn của từng năm học cụ thể, sát với tình hình thực tế và thực hiện đúng theo thời gian quy định. Cuối kỳ, cuối năm có sơ kết, tổng kết, rà soát, đánh giá kết quả đạt được. Công tác bồi dưỡng và phụ đạo học sinh được nhà trường rất quan tâm. Tổ chuyên môn có kế hoạch cụ thể, phân công giáo viên bồi dưỡng, phụ đạo theo kế hoạch tuần, tháng. Việc thực hiện Chương trình giáo dục địa phương được giáo viên, tổ chuyên môn quan tâm, xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng cho học sinh. Các hoạt động văn nghệ, thể thao trong nhà trường, các hoạt động trải nghiệm được tổ chức thường xuyên theo chủ đề, chủ điểm. Hoạt động giáo dục trong nhà trường hàng năm đạt được kết quả cao. Số học sinh giỏi cấp trường, giỏi cấp Tỉnh ngày càng tăng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT những năm gần đây đạt trên 99,5%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1 là 06/06.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2 là 06/06.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3 là 04/04.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG THUỘC MỨC 4

Chưa đạt

III. KẾT LUẬN CHUNG

1. Ưu điểm

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Thành ủy Tuy Hòa và các cấp chính quyền trong công tác đảm bảo ANTT.

Các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ, cùng giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động nhà trường đoàn kết, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Được sự ủng hộ nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ học sinh và cha mẹ học sinh toàn trường trong công tác giáo dục học sinh cũng như trong công tác xã hội hóa giáo dục.

2. Nhược điểm

Một số giáo viên chưa có ý thức cao trong việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chưa mạnh dạn trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá học sinh, chưa mạnh dạn trong công tác phê và tự phê bình.

Hồ sơ sổ sách được lưu trữ đầy đủ nhưng chưa khoa học.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học còn cũ kỹ, chưa đồng bộ.

Kết quả thi HSG cấp tỉnh và cấp quốc gia chưa xứng đáng với tầm vóc của nhà trường.

3. Kết luận

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28, đạt tỉ lệ 100%.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28, đạt tỉ lệ 100%.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 11/20, đạt tỉ lệ 55%.

Trường THPT Nguyễn Huệ tự đánh giá đạt: Mức 2;

Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Tuy Hòa, ngày 25 tháng 05 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

LÊ VĂN SON

PHẦN III

PHỤ LỤC

**SỞ GD-ĐT TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 32/QĐ-NH

TP Tuy Hòa, ngày 15 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH **Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Căn cứ vào Công văn số 812/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 31/10/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên về việc thực hiện công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2018-2019;

Xét năng lực và phẩm chất cán bộ, giáo viên và nhân viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chịu sự phân công nhiệm vụ của Chủ Hội đồng. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Như Điều 1;
- Web (thông báo);
- Bảng tin(thông báo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Sơn

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ-NH ngày 15 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Huệ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Văn Sơn	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Trần Bảy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3	Nguyễn Văn Thuyền	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
4	Đặng Thị Hải Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
5	Trương Hoàng Châu	Tổ trưởng tổ Toán	Thành viên
6	Nguyễn Hữu Phước	Tổ trưởng tổ Vật lý-KTNN	Thành viên
7	Trần Đăng Khoa	Tổ trưởng tổ Hóa	Thành viên
8	Nguyễn Duy Hiền	Tổ trưởng tổ Sinh-KTNN	Thành viên
9	Tăng Huỳnh Thanh Trang	Tổ trưởng tổ Văn	Thành viên
10	Bùi Tiến Nhân	Tổ trưởng tổ Sử	Thành viên
11	Lương Công Oánh	Tổ trưởng tổ Địa	Thành viên
12	Trần Văn Khởi	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Thành viên
13	Đặng Minh Nhựt	Tổ trưởng tổ CD, TTND	Thành viên
14	Trần Đức	Tổ trưởng tổ TD-QPAN	Thành viên
15	Đặng Ngọc Vinh	Tổ trưởng tổ Tin học	Thành viên
16	Bùi Thị Thu Thanh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
17	Vương Thị Như Liên	Thư kí Hội đồng SP	Thành viên
18	Nguyễn Thị Ngọc Lam	GV	Thành viên
19	Phạm Thị Tố Xuân	CTCD	Thành viên
20	Biện Ngọc Vàng	BTĐTN	Thành viên
21	Phạm Thị Kiều	Kế Toán	Thành viên
22	Tạ Bảo Yên	Phó BT ĐTN	Thành viên

DANH SÁCH NHÓM THƯ KÝ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đặng Ngọc Vinh	Tổ trưởng tổ Tin học	Nhóm trưởng
2	Bùi Thị Thu Thanh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
3	Vương Thị Như Liên	Thư kí Hội đồng SP	Thành viên
4	Nguyễn Thị Ngọc Lam	GV	Thành viên
5	Tạ Bảo Yên	Phó BT ĐTN	Thành viên

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC

(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ-NH ngày 15 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Huệ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Lê Văn Sơn	Hiệu trưởng	Tổ chức và quản lý nhà trường
	Bùi Thị Thu Thanh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
	Nguyễn Thị Ngọc Lam	GV	
	Vương Thị Như Liên	Thư kí Hội đồng SP	
	Trần Đăng Khoa	Tổ trưởng tổ Hóa	
	Đặng Ngọc Vinh	Tổ trưởng tổ Tin học	
	Đặng Minh Nhựt	Tổ trưởng tổ CD, TTND	
Nhóm 2	Lê Văn Sơn	Hiệu trưởng	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh
	Bùi Thị Thu Thanh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
	Đặng Ngọc Vinh	Tổ trưởng tổ Tin học	
	Vương Thị Như Liên	Thư kí Hội đồng SP	
	Trương Hoàng Châu	Tổ trưởng tổ Toán	
	Nguyễn Hữu Phước	Tổ trưởng tổ Vật lý-KTNN	
	Trần Đăng Khoa	Tổ trưởng tổ Hóa	
	Nguyễn Duy Hiền	Tổ trưởng tổ Sinh-KTNN	
	Đặng Minh Nhựt	Tổ trưởng tổ CD, TTND	
Nhóm 3	Nguyễn Văn Thuyền	Phó Hiệu trưởng	Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học
	Phạm Thị Kiều	Kế Toán	
	Trần Đức	Tổ trưởng tổ TD-QPAN	
	Tạ Bảo Yên	Phó BT ĐTN	
Nhóm 4	Đặng Thị Hải Anh	Phó Hiệu trưởng	Quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội
	Phạm Thị Tố Xuân	CTCD	
	Biện Ngọc Vàng	BTĐTN	
	Tăng Huỳnh Thanh Trang	Tổ trưởng tổ Văn	
Nhóm 5	Trần Bửu	Phó Hiệu trưởng	Hoạt Động giáo dục và kết quả giáo dục
	Trương Hoàng Châu	Tổ trưởng tổ Toán	
	Nguyễn Hữu Phước	Tổ trưởng tổ Vật lý-KTNN	
	Trần Đăng Khoa	Tổ trưởng tổ Hóa	
	Nguyễn Duy Hiền	Tổ trưởng tổ Sinh-KTNN	
	Đặng Minh Nhựt	Tổ trưởng tổ CD, TTND	
	Bùi Tiến Nhân	Tổ trưởng tổ Sử	
	Lương Công Oánh	Tổ trưởng tổ Địa	
	Trần Văn Khởi	Tổ trưởng tổ Tiến Anh	

Số: 33/KH-NH

Tuy Hòa, ngày 18 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Mục đích tự đánh giá

1. Xác định cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận công nhận lại cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

3. Các mục đích cụ thể khác (nếu có).

II. Phạm vi tự đánh giá

Nhà trường triển khai hoạt động TĐG được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là tiêu chuẩn đánh giá trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và các tài liệu hướng dẫn.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng TĐG

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 32/QĐ-NH, ngày 15 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Huệ. Hội đồng gồm có 22 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Nhóm thư ký và các nhóm công tác (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ (Danh sách kèm theo).

a) Nhóm thư ký:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đặng Ngọc Vinh	Tổ trưởng tổ Tin học	Nhóm trưởng
2	Bùi Thị Thu Thanh	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
3	Vương Thị Như Liên	Thư kí Hội đồng SP	Thành viên
4	Nguyễn Thị Ngọc Lam	GV	Thành viên
5	Tạ Bảo Yên	Phó BT ĐTN	Thành viên

b) Các nhóm công tác, cá nhân (Có thể bao gồm: các thành viên trong Hội đồng TĐG, cán bộ, giáo viên, nhân viên,...):

TT	Tiêu chí	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Ghi chú
1	Tiêu chí 1.1	Nhóm 1, BGH, văn thư	
2	Tiêu chí 1.2	Nhóm 1, BGH, văn thư	
3	Tiêu chí 1.3	Nhóm 1, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN	
4	Tiêu chí 1.4	Nhóm 1, BGH	
5	Tiêu chí 1.5	Nhóm 1, BGH	
6	Tiêu chí 1.6	Nhóm 1, Tổ văn phòng	
7	Tiêu chí 1.7	Nhóm 1, Kế toán	
8	Tiêu chí 1.8	Nhóm 1, BGH	
9	Tiêu chí 1.9	Nhóm 1, BGH, Đảng ủy, Công đoàn	
10	Tiêu chí 1.10	Nhóm 1, BGH	
11	Tiêu chí 2.1	Nhóm 2, BGH	
12	Tiêu chí 2.2	Nhóm 2, BGH	
13	Tiêu chí 2.3	Nhóm 2, BGH	
14	Tiêu chí 2.4	Nhóm 2, BGH	
15	Tiêu chí 3.1	Nhóm 3, các tổ CM	
16	Tiêu chí 3.2	Nhóm 3, các tổ CM	
17	Tiêu chí 3.3	Nhóm 3, Tổ văn phòng	
18	Tiêu chí 3.4	Nhóm 3, Tổ văn phòng	
19	Tiêu chí 3.5	Nhóm 3, các tổ CM	
20	Tiêu chí 3.6	Nhóm 3, Thư viện	
21	Tiêu chí 4.1	Nhóm 4, Hội PHHS	
22	Tiêu chí 4.2	Nhóm 4, Đảng ủy, Hội khuyến học-khuyến tài	
23	Tiêu chí 5.1	Nhóm 5, các tổ CM	
24	Tiêu chí 5.2	Nhóm 5, Hội khuyến học-khuyến tài	
25	Tiêu chí 5.3	Nhóm 5, BGH	
26	Tiêu chí 5.4	Nhóm 5, BGH	
27	Tiêu chí 5.5	Nhóm 5, BGH	
28	Tiêu chí 5.6	Nhóm 5, BGH	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Từ ngày 18/02/2021 đến 28/02/2021

2. Thành phần: Toàn thể Hội đồng tự đánh giá

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

- Các lập các Phiếu xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng tiêu chí thuộc Mức 1, 2 và 3
- Cách lập các Phiếu đánh giá tiêu chí
- Cách tìm kiếm minh chứng
- Cách mã hóa minh chứng

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

1. Đối với các tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Các nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chí 1.1	VP ĐU; VP nhà trường	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.2	VP nhà trường	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.3	VP ĐU; VP Công đoàn; VP Đoàn TN	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.4	Phòng lưu trữ	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.5	VP nhà trường; VP Đoàn TN	Năm học 2019-2020	
	Tiêu chí 1.6	VP nhà trường; phòng kế toán	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.7	VP nhà trường	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.8	VP nhà trường	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.9	VP nhà trường; VP Công đoàn	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 1.10	VP nhà trường	Từ 2016-2017 đến nay.	
2	Tiêu chí 2.1	VP nhà trường; phòng kế toán	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 2.2	VP nhà trường; phòng kế toán	Năm học 2020-2021	
	Tiêu chí 2.3	VP nhà trường; phòng kế toán; VP	Từ 2016-2017 đến nay.	

		Công đoàn		
	Tiêu chí 2.4	VP nhà trường; VP Đoàn TN	Từ 2016-2017 đến nay.	
3	Tiêu chí 3.1	Thực tế, VP nhà trường	Năm học 2020-2021	
	Tiêu chí 3.2	Thực tế, VP nhà trường	2020-2021	
	Tiêu chí 3.3	Thực tế, VP nhà trường	2020-2021	
	Tiêu chí 3.4	Thực tế	2020-2021	
	Tiêu chí 3.5	Thực tế, thiết bị	2020-2021	
	Tiêu chí 3.6	Thực tế, Thư viện	2020-2021	
4	Tiêu chí 4.1	VP nhà trường; Ban đại diện CMHS	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 4.2	VP nhà trường; VP Công đoàn; Đoàn TN	Từ 2016-2017 đến nay.	
5	Tiêu chí 5.1	VP nhà trường; HS các tổ CM	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 5.2	VP nhà trường; P.HT phụ trách CM; VP Đoàn TN	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 5.3	VP nhà trường; HS tổ CM Sử-Địa-GDCD	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 5.4	VP nhà trường; VP Đoàn TN	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 5.5	VP nhà trường; VP Đoàn TN	Từ 2016-2017 đến nay.	
	Tiêu chí 5.6	VP nhà trường; P.HT phụ trách CM	Từ 2016-2017 đến nay.	

2. Đối với các tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Các nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
Tiêu chí 1			
Tiêu chí 2			
Tiêu chí 3			
Tiêu chí 4			
Tiêu chí 5			
....			

VII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)

Xác định các lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia, kinh phí thuê chuyên gia,...

VIII. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và sau đó để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

IX. Thời gian và nội dung hoạt động

Tuỳ theo từng điều kiện cụ thể, mỗi trường xác định thời gian thực hiện phù hợp để hoàn thành hoạt động TĐG. Sau đây là ví dụ minh họa về thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện hoạt động TĐG:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 22/02-28/02	1. Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. 3. Họp Hội đồng TĐG để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng TĐG triển khai hoạt động TĐG (nếu có); - Ban hành Kế hoạch TĐG. 4. Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.
Tuần 2 01/03->07/03	1. Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan. 2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.
Tuần 3 – 5	1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện:

08/02->28/03	- Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2); - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. 2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. 3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.
Tuần 6 – 7 29/03->11/04	Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 5).
Tuần 8 - 9 12/04->25/04	Họp hội đồng TĐG đề: - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có); - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; - Chính sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có); - Dự thảo báo cáo TĐG.
Tuần 10 – 12 26/04->09/05	Họp Hội đồng TĐG đề: - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan (nếu có); - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có).
Tuần 13 – 14 10/05->23/05	1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động TĐG cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến. 3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có). 4. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 5. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.
Tuần 15 – 16 24/05->06/06	1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.

	2. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký ĐGN với cơ quan có thẩm quyền.
--	---

Nơi nhận:

- Cơ quan chủ quản (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường (để th/h);
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

LÊ VĂN SƠN